

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-36

M.S.D.N - 01

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung. (Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 27/GPDC-UBCK cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành 600 tỷ đồng).

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hồng Sơn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Tuyền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hồng Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 25/11/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lại Thị Sen	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Linh	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Vũ Hồng Sơn**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Số: 652 /2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán số 1010/VNA1-HN-BC ngày 30 tháng 03 năm 2015 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được Kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc chưa thu thập được đủ bằng chứng về cơ sở trích lập dự phòng khoản giao dịch ký quỹ và lãi phải thu theo hợp đồng dịch vụ với số tiền lần lượt là 41.596.281.542 đồng và 1.503.600.000 đồng.

Như đã nêu trong Thuyết minh số 3, trong năm 2015, Ban giám đốc Công ty đã đánh giá lại dự phòng cần trích lập đối với khoản phải thu về giao dịch ký quỹ và lãi phải thu theo hợp đồng dịch vụ nêu trên theo đúng chính sách kế toán và tiến hành điều chỉnh hồi tố vào số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

**Vũ Xuân Biễn**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016



M.S.D.N - 0100111105 - C.T.N.H.  
HOAN KIEM - TP. HA NOI

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>622.475.149.241</b>	<b>814.858.141.206</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>109.573.011.783</b>	<b>377.272.511.351</b>
111	1. Tiền		69.573.011.783	227.272.511.351
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	150.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>64.955.206.176</b>	<b>32.593.730.204</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		73.137.531.248	32.627.027.904
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(8.182.325.072)	(33.297.700)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>446.694.264.135</b>	<b>404.195.881.529</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		5.415.970.000	778.905.000
132	2. Trả trước cho người bán		1.164.564.000	933.095.313
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		535.887.762.875	397.343.841.901
138	5. Các khoản phải thu khác		7.862.001	5.361.089.315
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(95.781.894.741)	(221.050.000)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.252.667.147</b>	<b>796.018.122</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		253.633.834	607.533.952
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	<b>8</b>	967.033.313	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	<b>9</b>	32.000.000	188.484.170
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>17.891.076.023</b>	<b>18.805.748.946</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>8.080.547.163</b>	<b>11.193.677.206</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>10</b>	4.112.073.670	5.986.211.841
222	- Nguyên giá		15.327.992.800	15.706.822.833
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.215.919.130)	(9.720.610.992)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>11</b>	3.968.473.493	5.207.465.365
228	- Nguyên giá		10.076.718.497	10.076.718.497
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.108.245.004)	(4.869.253.132)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.810.528.860</b>	<b>7.612.071.740</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		828.818.582	2.211.802.366
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	<b>12</b>	7.189.190.170	4.296.112.048
268	4. Tài sản dài hạn khác	<b>13</b>	1.792.520.108	1.104.157.326
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>640.366.225.264</b>	<b>833.663.890.152</b>

10/01/2016  
 TRẦN  
 HÃ  
 KH  
 DUC

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>66.631.858.368</b>	<b>167.780.457.443</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>66.631.858.368</b>	<b>167.780.457.443</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	3.180.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		531.198.436	701.419.941
313	3. Người mua trả tiền trước		365.000.000	843.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.238.420.762	2.494.513.975
315	5. Phải trả người lao động		2.630.362.915	6.968.932.959
316	6. Chi phí phải trả	16	1.090.964.864	746.472.544
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	55.768.157.526	153.970.752.649
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	916.822.195	1.255.082.503
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		8.348.271	14.400
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		902.583.399	800.268.472
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>573.734.366.896</b>	<b>665.883.432.709</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>573.734.366.896</b>	<b>665.883.432.709</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.893.448.265	3.803.948.265
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.029.118.053	3.939.618.053
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(34.188.199.422)	58.139.866.391
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>640.366.225.264</b>	<b>833.663.890.152</b>

111  
 CÔNG  
 NHÌE  
 IG KI  
 A.A  
 VN KI  
 2.2  
 1  
 ĐÁ  
 NC  
 P.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

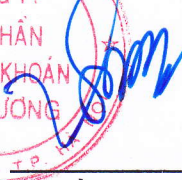
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
006	6. Chứng khoán lưu ký		2.970.649.140.000	10.070.648.290.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		2.157.290.980.000	9.196.481.690.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		49.444.840.000	14.713.560.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.105.954.140.000	9.179.876.130.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.892.000.000	1.892.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		7.727.910.000	13.722.890.000
	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			
014	- nước		7.727.910.000	13.722.890.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		703.141.320.000	742.984.800.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		703.141.320.000	742.984.800.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		100.843.300.000	115.724.000.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		2.997.600.000	2.600.100.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		97.845.700.000	113.123.900.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		1.645.630.000	1.734.910.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-	30.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		1.645.630.000	1.734.880.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		31.403.440.000	98.050.840.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		31.403.440.000	98.050.840.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		1.550.000	1.210.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		31.401.890.000	98.049.630.000



Nguyễn Thanh Nga  
Người lập



Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	<b>1. Doanh thu</b>	20	<b>73.464.286.641</b>	<b>218.468.325.932</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		20.437.203.288	69.656.147.184
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		14.865.279.494	28.822.378.208
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		35.711.832	26.442.607
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.993.490.720	1.492.454.547
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		2.499.224.340	3.691.128.338
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	28.240.467
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	46.023.021
01.9	Doanh thu khác		33.633.376.967	114.705.511.560
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>73.464.286.641</b>	<b>218.468.325.932</b>
11	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	21	<b>48.395.366.539</b>	<b>137.080.812.132</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>25.068.920.102</b>	<b>81.387.513.800</b>
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	114.894.068.227	22.109.285.935
30	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(89.825.148.125)</b>	<b>59.278.227.865</b>
31	8. Thu nhập khác		333.904.550	3.810.150
32	9. Chi phí khác		404.198.834	3.772.296.748
40	<b>10. Lợi nhuận khác</b>		<b>(70.294.284)</b>	<b>(3.768.486.598)</b>
50	<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(89.895.442.409)</b>	<b>55.509.741.267</b>
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	1.205.623.404	10.624.683.824
60	<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(91.101.065.813)</b>	<b>44.885.057.443</b>
70	<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>(1.518)</b>	<b>1.249</b>

*Ngô*

*Hàng*



Nguyễn Thanh Nga  
Người lập

Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(89.895.442.409)	55.509.741.267
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.113.130.043	3.928.068.862
03	- Các khoản dự phòng		103.709.872.113	(14.494.518.921)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.633.142.545)	(4.410.835.330)
06	- Chi phí lãi vay		4.892.222	51.734.935.212
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.299.309.424	92.267.391.090
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(141.806.075.748)	285.162.750.332
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(40.510.503.344)	(16.295.907.306)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(103.152.017.061)	(5.554.790.021)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.736.883.902	(1.129.638.769)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(51.734.935.212)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.456.445.880)	(9.179.059.929)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		495.790.218	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.441.475.291)	(4.020.870.509)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(277.834.533.780)	289.514.939.676
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(746.318.434)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.953.034.212	4.410.835.330
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.955.034.212	3.664.516.896
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	300.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.180.000.000	576.456.004.167
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(1.022.359.587.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.180.000.000	(145.903.583.333)

01001  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG  
 HÀ NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&amp;7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(267.699.499.568)	147.275.873.239
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		377.272.511.351	229.996.638.112
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	<u>109.573.011.783</u>	<u>377.272.511.351</u>

Nguyễn Thanh Nga  
Người lậpVũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởngVũ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

106 - C  
CÔNG TY  
CHỨNG KHOÁN  
ĐẠI DƯƠNG  
CẦU GIẤY - HÀ NỘI  
KẾ TÍNH TOÁN  
ASC  
KẾ TÍNH TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2015

Năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2015 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000	-	-	600.000.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	3.803.948.265	89.500.000	-	3.893.448.265
8.	Quỹ dự phòng tài chính	3.939.618.053	89.500.000	-	4.029.118.053
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	58.139.866.391	(91.101.065.813)	(1.227.000.000)	(34.188.199.422)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19</b>	<b>665.883.432.709</b>	<b>(90.922.065.813)</b>	<b>(1.227.000.000)</b>	<b>573.734.366.896</b>

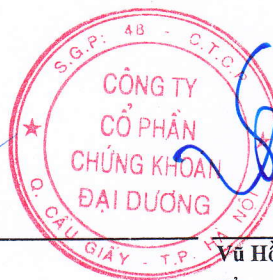
Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2014 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	600.000.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	2.966.281.765	837.666.500	-	3.803.948.265
8.	Quỹ dự phòng tài chính	3.101.951.553	837.666.500	-	3.939.618.053
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.694.808.448	44.885.057.443	(4.439.999.500)	58.139.866.391
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19</b>	<b>323.763.041.766</b>	<b>346.560.390.443</b>	<b>(4.439.999.500)</b>	<b>665.883.432.709</b>

*Nguyen Thanh Nga*

Nguyễn Thanh Nga  
Người lập

*Vũ Thị Thanh Hằng*

Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng



*Vũ Hồng Sơn*  
Vũ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

ÔNG  
Ổ P  
NG  
ID  
ÁY



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015027 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh bổ sung. (Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 27/GPDC-UBCK cấp ngày 20 tháng 10 năm 2014 điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành 600 tỷ đồng).

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 600.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 600.000.000.000 đồng; tương đương 60.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2016.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

10/01/2016  
CÔNG TY  
CHỨNG KHOÁN  
ĐẠI DƯƠNG

0100  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM  
HỮU HẠN  
A  
KẾ TOÁN K

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- Khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.	30 % Giá trị
- Khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.	50 % Giá trị
- Khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.	70 % Giá trị
- Khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	100 % Giá trị

### 2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

11106  
CÔNG TY  
KIỂM HỮU  
KIỂM TOÁN  
ISC  
11-TP





Các chi phí đã phát sinh trong năm nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## **2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

## **2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.15 . Ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.16 . Các khoản thuế

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

## 2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm 2015, Ban giám đốc Công ty đã đánh giá lại dự phòng cần trích lập đối với khoản phải thu về giao dịch ký quỹ và lãi phải thu theo hợp đồng dịch vụ theo đúng chính sách kế toán và tiến hành điều chỉnh hồi tố vào số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 và Kết quả kinh doanh năm 2014. Do đó, một số chỉ tiêu đã thay đổi so với Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu điều chỉnh hồi tố VND</u>	<u>Trình bày trên báo cáo năm trước VND</u>	<u>Chênh lệch VND</u>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(221.050.000)	(43.320.931.542)	43.099.881.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	58.139.866.391	15.039.984.849	43.099.881.542
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh</b>				
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	137.080.812.132	180.180.693.674	(43.099.881.542)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	55.509.741.267	12.409.859.725	43.099.881.542
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51	44.885.057.443	1.785.175.901	43.099.881.542
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	55.509.741.267	12.409.859.725	43.099.881.542
Các khoản dự phòng	03	(14.494.518.921)	28.605.362.621	(43.099.881.542)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>33.443.402</b>	<b>510.146.870.200</b>
- Cổ phiếu	33.443.402	510.146.870.200
<b>Của người đầu tư</b>	<b>1.214.298.978</b>	<b>19.705.996.222.823</b>
- Cổ phiếu	1.159.797.032	13.704.034.145.400
- Trái phiếu	54.501.946	6.001.962.077.423
	<b><u>1.247.742.380</u></b>	<b><u>20.216.143.093.023</u></b>

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	46.149.700	25.806.658
Tiền gửi ngân hàng	14.667.688.191	74.977.186.475
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	33.197.849.892	132.727.006.218
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	21.661.324.000	19.542.512.000
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	150.000.000.000
	<b><u>109.573.011.783</u></b>	<b><u>377.272.511.351</u></b>

(\*)Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tương đương tiền có giá trị 40.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4,5%/năm.

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	73.137.531.248	32.627.027.904
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.182.325.072)	(33.297.700)
	<b><u>64.955.206.176</u></b>	<b><u>32.593.730.204</u></b>

Danh mục đầu tư và tình hình tăng giảm so với giá trị thị trường của các khoản đầu tư được chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1 & 7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
 Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	01/01/2015			31/12/2015			Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Số khó đòi VND	
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>778.905.000</b>	<b>397.500.000</b>	<b>397.500.000</b>	<b>7.887.149.304</b>	<b>3.250.084.304</b>	<b>19.500.000</b>	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	778.905.000	397.500.000	397.500.000	2.907.229.304	3.250.084.304	19.500.000	-
- Phải thu hoạt động tự doanh	-	-	-	4.979.920.000	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>933.095.313</b>	-	-	<b>1.961.209.437</b>	<b>1.729.740.750</b>	-	-
- Ứng trước mua hàng hóa dịch vụ	933.095.313	-	-	1.961.209.437	1.729.740.750	-	-
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>397.343.841.901</b>	-	-	<b>4.888.130.346.605</b>	<b>4.749.586.425.631</b>	<b>313.263.526.674</b>	<b>(95.781.894.741)</b>
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	11.141.521.450	-	-	2.191.654.750.138	2.168.936.205.393	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	386.202.320.451	-	-	2.696.475.596.467	2.580.650.220.238	313.263.526.674	(95.781.894.741)
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>5.361.089.315</b>	-	-	<b>60.779.621.730</b>	<b>66.132.849.044</b>	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	-	2.137.407.800	2.132.698.300	-	-
- Phải thu tiền lãi theo hợp đồng dịch vụ mua Chứng khoán	5.012.424.384	-	-	2	5.012.424.386	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	321.891.667	-	-	2.702.349.221	3.024.240.888	-	-
- Phải thu khác	26.773.264	-	-	55.939.864.707	55.963.485.470	-	-
	<b>404.416.931.529</b>	<b>397.500.000</b>	<b>397.500.000</b>	<b>4.958.758.327.076</b>	<b>4.820.699.099.729</b>	<b>313.283.026.674</b>	<b>(95.781.894.741)</b>

Handwritten notes and stamps in red ink, including a circular stamp with the number '30' and some illegible text.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	967.033.313	-
	<u>967.033.313</u>	<u>-</u>

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tạm ứng	32.000.000	188.484.170
	<u>32.000.000</u>	<u>188.484.170</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2015	5.326.428.889	4.750.289.608	10.076.718.497
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>5.326.428.889</b>	<b>4.750.289.608</b>	<b>10.076.718.497</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.047.027.818	3.822.225.314	4.869.253.132
Trích khấu hao	887.738.148	351.253.724	1.238.991.872
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>1.934.765.966</b>	<b>4.173.479.038</b>	<b>6.108.245.004</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2015	4.279.401.071	928.064.294	5.207.465.365
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>3.391.662.923</b>	<b>576.810.570</b>	<b>3.968.473.493</b>

**12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.663.725.083	3.401.567.976
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.405.465.087	774.544.072
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.189.190.170</b>	<b>4.296.112.048</b>

**13 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-
Tài sản dài hạn khác	1.792.520.108	1.104.157.326
	<b>1.792.520.108</b>	<b>1.104.157.326</b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	01/01/2015	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	<b>3.180.000.000</b>	-	<b>3.180.000.000</b>
Vay đối tượng khác	-	3.180.000.000	-	3.180.000.000
	-	<b>3.180.000.000</b>	-	<b>3.180.000.000</b>

Vay ngắn hạn là các khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay vốn với các điều khoản chi tiết như sau:

(1) Hợp đồng vay số 01/HDV/2015 ngày 24/12/2015:

- + Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh để thực hiện các hoạt động được phép theo quy định của pháp luật;
- + Thời hạn vay: 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(2) Hợp đồng vay số 02/HDV/2015 ngày 28/12/2015:

- + Số tiền vay: 1.180.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh để thực hiện các hoạt động được phép theo quy định của pháp luật;
- + Thời hạn vay: 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	139.133.289	16.827.280
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.283.789.163
Thuế Thu nhập cá nhân	1.099.287.473	1.193.897.532
	<b><u>1.238.420.762</u></b>	<b><u>2.494.513.975</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.892.222	-
Chi phí phải trả trung tâm lưu ký	146.926.120	-
Chi phí thuê nhà chưa có hóa đơn	544.880.000	544.880.000
Chi phí phải trả khác	394.266.522	201.592.544
	<b><u>1.090.964.864</u></b>	<b><u>746.472.544</u></b>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	109.814.418	71.854.418
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.859.173.874	152.269.518.199
Các khoản phải trả, phải nộp khác	799.169.234	1.629.380.032
	<b><u>55.768.157.526</u></b>	<b><u>153.970.752.649</u></b>

**18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	353.463.976	639.689.561
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	563.358.219	615.392.942
	<b><u>916.822.195</u></b>	<b><u>1.255.082.503</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Năm 2014</b>									
Tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	2.966.281.765	3.101.951.553	17.694.808.448	323.763.041.766				
Tăng vốn	300.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000				
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	44.885.057.443	44.885.057.443				
Phân phối lợi nhuận	-	837.666.500	837.666.500	(4.439.999.500)	(2.764.666.500)				
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>3.803.948.265</b>	<b>3.939.618.053</b>	<b>58.139.866.391</b>	<b>665.883.432.709</b>				
<b>Năm 2015</b>									
Tại ngày 01/01/2015	600.000.000.000	3.803.948.265	3.939.618.053	58.139.866.391	665.883.432.709				
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	(91.101.065.813)	(91.101.065.813)				
Phân phối lợi nhuận	-	89.500.000	89.500.000	(1.227.000.000)	(1.048.000.000)				
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>3.893.448.265</b>	<b>4.029.118.053</b>	<b>(34.188.199.422)</b>	<b>573.734.366.896</b>				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày số 01/2015/NQ-HDCC ngày 24/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kiểm toán	100,00%	1.785.175.901
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,01%	89.500.000
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,01%	89.500.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	58,71%	1.048.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	31,27%	558.175.901

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	37,50%	225.000.000.000	37,50%	225.000.000.000
Ông Vũ Hồng Sơn	16,67%	100.000.000.000	16,67%	100.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	8,33%	50.000.000.000	8,33%	50.000.000.000
Ngân Hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	5,50%	33.000.000.000	5,50%	33.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	32,00%	192.000.000.000	32,00%	192.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>600.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000	600.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	600.000.000.000	300.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	300.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	600.000.000.000	600.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.000.000	60.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**20 . DOANH THU**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>73.464.286.641</b>	<b>218.468.325.932</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	20.437.203.288	69.656.147.184
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	14.865.279.494	28.822.378.208
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	35.711.832	26.442.607
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.993.490.720	1.492.454.547
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.499.224.340	3.691.128.338
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	28.240.467
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	46.023.021
- Doanh thu khác	33.633.376.967	114.705.511.560

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

**Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**

**73.464.286.641**

**218.468.325.932**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.755.486.302	15.866.333.497
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.749.344.618	27.168.219.218
Chi phí hoạt động tư vấn	2.117.265.010	3.877.288.010
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	2.262.844.387	3.326.725.700
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	7.982.227.372	(14.567.218.921)
Chi phí khác	23.511.923.998	49.674.529.416
Chi phí lãi vay	16.274.852	51.734.935.212
	<b>48.395.366.539</b>	<b>137.080.812.132</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.774.115.820	14.596.784.105
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	280.935.677	601.209.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	440.907.826	559.572.790
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	24.499.476
Chi phí dự phòng	95.727.644.741	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.333.437.263	5.053.801.435
Chi phí khác bằng tiền	331.026.900	1.273.418.906
	<b>114.894.068.227</b>	<b>22.109.285.935</b>

**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(89.895.442.409)	55.509.741.267
Các khoản điều chỉnh tăng	96.125.144.741	395.099.335
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	95.727.644.741	395.099.335
- Xóa nợ	397.500.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(749.595.950)	(7.610.823.220)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(749.595.950)	(818.502.006)
- Hoàn nhập dự phòng	-	(6.792.321.214)
Tổng thu nhập tính thuế	5.480.106.382	48.294.017.382
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>1.205.623.404</b>	<b>10.624.683.824</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.283.789.163	(161.834.732)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.456.445.880)	(9.179.059.929)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(967.033.313)</b>	<b>1.283.789.163</b>

CÔNG TY  
 CHỨNG KHOÁN  
 ĐẠI DƯƠNG  
 (MTC)  
 (ASC)  
 (TMM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(91.101.065.813)	44.885.057.443
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(91.101.065.813)	44.885.057.443
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.000.000	35.934.066
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.518)</b>	<b>1.249</b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.573.011.783	-	377.272.511.351	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	541.311.594.876	(95.781.894.741)	403.483.836.216	(221.050.000)
Đầu tư ngắn hạn	73.137.531.248	(8.182.325.072)	32.627.027.904	(33.297.700)
	<b>724.022.137.907</b>	<b>(103.964.219.813)</b>	<b>813.383.375.471</b>	<b>(254.347.700)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	3.180.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	57.216.178.157	155.927.255.093
Chi phí phải trả	1.090.964.864	746.472.544
	<b>61.487.143.021</b>	<b>156.673.727.637</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
 Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.573.011.783	-	-	109.573.011.783
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	445.529.700.135	-	-	445.529.700.135
Đầu tư ngắn hạn	64.955.206.176	-	-	64.955.206.176
	<b>620.057.918.094</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>620.057.918.094</b>

0111105  
 CÔNG TY  
 KH NHIỆM H  
 ANH KIỂM  
 AAS  
 DAN KIỂM



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
 Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Cổ đông lớn
Ngân hàng TMCP Đại Dương	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	Công ty cùng tập đoàn
Vũ Hồng Sơn	Cổ đông lớn
Nguyễn Thị Phương Thảo	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

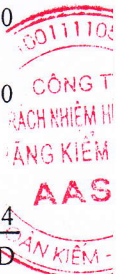
	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
<b>Ngân hàng TMCP Đại dương</b>		
- Doanh thu phí lưu ký	109.482.062	92.975.474
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	1.073.980.689	2.883.202.521
- Doanh thu tư vấn	45.454.545	90.909.091
- Lãi tiền gửi	20.909.101	1.066.662.756
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương</b>		
- Doanh thu phí lưu ký	434.796.539	183.586.072
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	85.280.927	-
- Doanh thu tư vấn	170.000.000	50.000.000
<b>Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương</b>		
- Doanh thu phí lưu ký	15.961.300	36.153.250
- Doanh thu tư vấn	50.000.000	50.000.000
- Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	75.086.498	-
- Chi phí thuê nhà, điện nước và phí bảo vệ	241.753.017	2.175.777.153

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
<b>Phải thu</b>			
Ngân hàng TMCP Đại Dương	Cổ đông	22.000.000	172.000.000
<b>Phải trả khác</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Cổ đông	544.880.000	544.880.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của thành viên HĐQT độc lập	43.200.000	45.000.000

  
 CÔNG TY  
 KHÁCH NHIỆM VỤ  
 KIỂM TOÁN  
 AAS  
 KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới  
Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Do điều chỉnh hồi tố nên một số chỉ tiêu đã thay đổi so với Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã kiểm toán như đã nêu tại Thuyết minh số 3.



Nguyễn Thanh Nga  
Người lập



Vũ Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Sơn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016







**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

Tầng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- ALP	2	2	12.800	12.800	-	-	-	(6.000)	12.800	6.800
- CTM	55	55	610.000	610.000	-	-	-	(384.500)	610.000	225.500
- MCV	8	8	139.000	139.000	-	-	-	(139.000)	139.000	-
- SME	90	90	2.124.000	2.124.000	-	-	-	(2.124.000)	2.124.000	-
- HPC	38	38	256.462	256.462	-	-	-	(77.862)	256.462	178.600
			<b>73.137.531.248</b>	<b>32.627.027.904</b>	<b>933.305.386</b>	<b>1.709.516.696</b>	<b>(8.182.325.072)</b>	<b>(32.122.100)</b>	<b>65.888.511.562</b>	<b>34.304.422.500</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

đang 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- PGC	7	7	70.910	70.910	6.790	24.290	-	-	77.700	95.200
- PIT	4	4	27.200	27.200	2.400	4.000	-	-	29.600	31.200
- PPC	2.651.270	-	56.102.643.700	-	-	-	(7.584.402.700)	-	48.518.241.000	-
- PVD	2	2	84.000	84.000	-	45.000	(31.000)	-	53.000	129.000
- PVT	3	3	36.084	36.084	-	5.916	(5.484)	-	30.600	42.000
- REE	4	-	110.370	-	-	-	(9.570)	-	100.800	-
- RIC	3	3	43.500	43.500	-	7.500	(12.300)	-	31.200	51.000
- SHI	4	4	34.000	34.000	12.800	-	-	(4.000)	46.800	30.000
- SJD	2	2	30.400	30.400	21.400	32.600	-	-	51.800	63.000
- SIS	5	5	325.000	325.000	-	-	(207.500)	(199.500)	117.500	125.500
- SRC	3	3	71.400	71.400	30.600	30.600	-	-	102.000	102.000
- SSI	355.000	560.000	8.432.080.000	14.909.000.000	-	491.000.000	(551.080.000)	-	7.881.000.000	15.400.000.000
- STB	8	7	129.800	129.800	-	-	(25.000)	(3.800)	104.800	126.000
- SVC	3	3	84.300	84.300	39.900	-	-	(36.300)	124.200	48.000
- TCM	3	67.503	92.780	2.112.672.300	-	47.423.700	(380)	-	92.400	2.160.096.000
- TLH	5	5	42.500	42.500	-	2.000	(22.000)	-	20.500	44.500
- TMP	9	9	85.500	85.500	177.300	172.800	-	-	262.800	258.300
- VCB	5	100.005	128.000	2.830.128.000	91.500	360.031.500	(148.940)	-	219.500	3.190.159.500
- VIC	6	5	423.140	423.140	-	-	(1.100)	(184.640)	274.200	238.500
- VIP	7	7	67.600	67.600	-	23.400	-	-	66.500	91.000
- VPH	6	4	45.820	45.820	12.980	-	-	(3.820)	58.800	42.000
- PVX	-	50	-	286.466	-	-	-	(46.466)	-	240.000
- DQC	-	9	-	175.700	-	323.800	-	-	-	499.500
- MHC	-	5	-	41.000	-	39.000	-	-	-	80.000
- VSH	-	1.000.000	-	12.700.000.000	-	800.000.000	-	-	-	13.500.000.000
Chứng khoán Upcom										
- GEX	30.000	-	539.612.290	7.412.290	157.800.000	-	(6.949.790)	(6.779.890)	690.462.500	632.400
- MIC	23	23	1.302.000	1.302.000	157.800.000	-	-	-	690.000.000	-
- S96	75	75	2.827.500	2.827.500	-	-	(1.196.200)	(1.099.600)	105.800	202.400
- SD1	50	50	585.000	585.000	-	-	(2.752.500)	(2.640.000)	75.000	187.500
- STL	50	50	995.000	995.000	-	-	(510.000)	(435.000)	75.000	150.000
- VSP	50	50	1.695.000	1.695.000	-	-	(835.000)	(995.000)	160.000	-
- VST	1	1	7.790	7.790	-	-	(1.650.000)	(1.605.000)	45.000	90.000
Chứng khoán hủy niêm yết										
			3.142.262	3.142.262	-	-	(6.090)	(5.290)	1.700	2.500
									3.142.262	410.900



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

ng 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung  
n, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- VCG	30	30	379.900	379.900	-	1.100	(40.900)	-	339.000	381.000
- VCM	20	20	186.000	186.000	4.000	132.000	-	-	190.000	318.000
- VCR	10	10	33.000	33.000	-	-	(8.000)	-	25.000	33.000
- VND	3	99	40.900	1.405.800	-	-	(4.600)	(158.400)	36.300	1.247.400
- VTC	12	-	55.200	-	12.000	-	-	-	67.200	-
- APC	5	5	77.000	77.000	15.500	11.000	-	-	92.500	88.000
- BGM	8	8	39.200	39.200	-	-	(23.200)	(3.200)	16.000	36.000
- BMC	3	3	133.800	133.800	-	-	(83.700)	(54.000)	50.100	79.800
- BTT	3	3	151.384	151.384	-	-	(25.684)	(37.384)	125.700	114.000
- BVH	5	5	134.470	134.470	130.530	25.530	-	-	265.000	160.000
- CDC	3	3	125.642	125.642	-	-	(101.942)	(97.742)	23.700	27.900
- CMG	6	6	25.800	25.800	63.600	27.600	-	-	89.400	53.400
- GSM	6	6	253.800	253.800	4.200	4.200	(105.600)	-	148.200	258.000
- CTG	6	6	121.951	83.011	-	-	(10.351)	(211)	111.600	82.800
- DHC	5	5	89.579	89.579	50.921	13.421	-	-	140.500	103.000
- DIG	8	8	400.510	400.510	-	-	(327.710)	(295.710)	72.800	104.800
- ELC	6	6	210.600	210.600	-	-	(77.400)	(127.800)	133.200	82.800
- FCN	9	9	193.500	193.500	-	-	(9.900)	(7.200)	183.600	186.300
- FIT	47	-	564.000	-	-	-	(136.300)	-	427.700	-
- GMD	6	6	120.000	120.000	134.400	53.400	-	-	254.400	173.400
- HAG	8	8	109.220	300.800	-	-	(26.020)	(124.000)	83.200	176.800
- HAP	4	4	70.000	70.000	-	-	(46.400)	(37.600)	23.600	32.400
- HAR	3	3	22.010	22.010	-	6.490	(8.810)	-	13.200	28.500
- HAX	4	4	24.400	24.400	46.000	10.400	-	-	70.400	34.800
- HHS	7	7	112.900	112.900	50.160	8.900	(22.600)	-	90.300	121.800
- HSG	10	8	264.840	107.200	32.400	13.600	-	-	315.000	380.000
- HTI	2	2	21.200	21.200	-	-	-	-	53.600	34.800
- ITA	4	4	51.500	51.500	-	-	(29.100)	(19.500)	22.400	32.000
- LSS	5	5	53.000	53.000	-	-	(8.000)	(5.500)	45.000	47.500
- MBB	3	3	126.898	126.898	-	-	(83.098)	(87.598)	43.800	39.300
- MCG	5	5	154.060	154.060	-	-	(133.560)	(122.060)	20.500	32.000
- NSC	8	8	244.300	244.300	515.700	395.700	-	-	760.000	640.000
- OGC	1.900.000	-	7.596.542.060	-	763.457.940	-	-	-	8.360.000.000	-
- PET	2	2	39.800	39.800	-	1.600	(13.200)	-	26.600	41.400



**HÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**

đang 1&7 - Tòa nhà Trung Yên Plaza - Lô O17 Khu đô thị mới Trung  
 Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
- PMS	40	40	680.000	680.000	-	-	(196.000)	(244.000)	484.000	436.000
- POT	36	20	381.200	174.800	162.400	111.200	-	-	543.600	286.000
- PSI	90	90	765.000	765.000	-	-	(9.000)	(99.000)	756.000	666.000
- PTI	67	67	568.300	568.300	1.033.000	476.900	-	-	1.601.300	1.045.200
- PVC	91	91	2.028.900	2.028.900	-	255.200	(572.900)	-	1.456.000	2.284.100
- PVI	98	98	1.952.972	1.952.972	546.028	-	-	(208.572)	2.499.000	1.744.400
- PVS	14	74	449.400	2.663.800	-	-	(215.600)	(673.200)	233.800	1.990.600
- QNC	82	82	8.465.746	8.465.746	-	-	(8.006.546)	(7.785.146)	459.200	680.600
- RCL	20	20	396.000	396.000	124.000	124.000	-	-	520.000	520.000
- SAF	3	3	118.800	118.800	67.200	1.200	-	-	186.000	120.000
- SCJ	62	62	313.100	313.100	201.500	306.900	-	-	514.600	620.000
- SCR	1	154	6.600	1.228.100	2.100	188.700	-	-	8.700	1.416.800
- SD2	99	99	2.095.100	2.095.100	-	-	(1.491.200)	(1.303.100)	603.900	792.000
- SD6	63	63	1.593.900	1.593.900	-	-	(749.700)	(648.900)	844.200	945.000
- SD9	44	44	914.082	914.082	-	-	(342.082)	(293.682)	572.000	620.400
- SDA	64	64	349.800	349.800	194.200	143.000	-	-	544.000	492.800
- SDD	40	40	191.903	191.903	-	-	(99.903)	(35.903)	92.000	156.000
- SDN	18	18	345.600	345.600	77.400	144.000	-	-	423.000	489.600
- SDT	78	78	672.000	672.000	303.000	552.600	-	-	975.000	1.224.600
- SGD	50	50	665.000	665.000	-	-	(145.000)	(165.000)	520.000	500.000
- SHB	58	68	432.200	522.100	-	28.700	(55.200)	-	377.000	550.800
- SHN	57	57	1.744.200	1.744.200	-	-	(1.003.200)	(1.521.900)	741.000	222.300
- SIC	40	40	976.000	976.000	-	-	(596.000)	(708.000)	380.000	268.000
- SJC	60	-	270.000	-	108.000	-	-	-	378.000	-
- SRB	1	1	1.700	1.700	700	1.400	-	-	2.400	3.100
- STC	60	60	1.188.000	1.188.000	204.000	-	-	(120.000)	1.392.000	1.068.000
- TCT	40	40	493.000	493.000	1.527.000	2.483.000	-	-	2.020.000	2.976.000
- THI	56	56	1.904.400	1.904.400	-	-	(834.800)	(980.400)	1.069.600	924.000
- TKC	15	14	195.000	195.000	-	-	(6.000)	(27.000)	189.000	168.000
- TPP	53	53	630.000	630.000	408.800	85.500	-	-	1.038.800	715.500
- TXM	25	25	186.500	186.500	76.000	38.500	-	-	262.500	225.000
- UNI	11	11	50.600	50.600	60.500	36.300	-	-	111.100	86.900
- VBC	50	50	1.265.000	1.265.000	910.000	715.000	-	-	2.175.000	1.980.000
- VC7	50	50	1.335.000	1.335.000	-	-	(645.000)	(910.000)	690.000	425.000

KIỂM TRA  
 KIỂM HỒI  
 KIỂM TI  
 05